
Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27- 12 - 2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thu Phương và ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Mơ, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1988; có mặt

HKTT: Thôn B, xã V, huyện Ph, TP. Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1986; có đơn xin xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện Ph, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đỗ Thị N trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Lê Văn Ph vào ngày 02/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ph, Thành phố Hà Nội. Trước khi đăng ký kết hôn, chị và anh Ph tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán, chị về chung sống cùng nhà với anh Ph và mẹ đẻ anh Ph tại thôn V (nay là Thôn B), xã V, huyện Ph. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian dài và có 03 con chung. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Ph không bàn bạc với chị trong việc làm trang trại, chăn nuôi gia súc mà tự ý đi mua lợn và chó cảnh trên mạng xã hội về để nuôi

nên mua phải những con vật không đạt tiêu chuẩn, chất lượng. Mua về nuôi được một thời gian thì bị chết. Sau mỗi lần như vậy, chị đã khuyên nhiều nhưng anh Ph không nghe mà vẫn tiếp tục làm theo ý của anh Ph và tiếp tục bị thua lỗ dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau, anh Ph lại đánh chửi chị nhưng chị vẫn cố gắng sống chung cùng anh Ph để nuôi dạy các con. Đến tháng 6 năm 2021, sau khi anh Ph đi uống rượu về và đánh chửi chị nên chị phải đi ngủ nhờ nhà hàng xóm mấy ngày nhưng vẫn bị anh Ph nhử tin chửi. Chị xác định không thể tiếp tục sống chung cùng anh Ph được nữa nên tháng 9 năm 2021, chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ph.

Hiện nay, anh Ph đang sinh sống tại thôn B, xã V nhưng không đến Tòa án để giải quyết là gây khó khăn cho chị nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Ph có 03 con chung là Lê Thùy L, sinh ngày 06/08/2009; Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 20/10/2011 và Lê Tiến D, sinh ngày 16/12/2015. Hiện nay các con đang sống cùng anh Ph. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu L.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của anh Lê Văn Ph ngày 25/11/2021, anh Ph khai: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, do bận công việc nên anh không làm văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án giải quyết. Anh và chị Đỗ Thị N đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009 tại UBND xã V, huyện Ph. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà đất của bố mẹ anh tại thôn V (nay là thôn B), xã V, huyện Ph. Quá trình sống chung tình cảm vợ chồng bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Khoảng 7 tháng nay, do anh đầu tư làm ăn kinh tế vào trang trại tại xã V và bị thua lỗ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị N sợ bị liên quan đến việc nợ nần nên khoảng tháng 8 năm 2021 đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Chị N chỉ gọi điện thoại liên lạc với các con mà không quan tâm, hỏi han anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Do bận công việc, anh không có thời gian đến Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con chung là Lê Thùy L, sinh ngày 06/08/2009; Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 20/10/2011 và Lê Tiến D, sinh ngày 16/12/2015. Hiện nay các con đang ở cùng anh. Ly hôn, nếu chị N muốn nuôi cháu L, anh đồng ý và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Lê Văn Ph không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị N vẫn xin được ly hôn anh Lê Văn Ph.

Dại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lê Văn Ph. Về con chung: Giao cả 3 con là cháu Lê Thùy L, sinh ngày 06/08/2009; cháu Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Lê Tiến D, sinh ngày 16/12/2015 cho anh Ph nuôi, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N. Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh Ph không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị N có đơn xin ly hôn anh Lê Văn Ph đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang trú tại Thôn B, xã V, huyện Ph và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Lê Văn Ph, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Ph đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Anh Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Lê Văn Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Lê Văn Ph kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ph vào ngày 02/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà đất của bố mẹ anh Ph ở xã V, huyện Ph. Vợ chồng có thời gian dài hạnh phúc và có 03 con chung. Thời gian tiếp theo, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng không thống nhất, không bàn bạc nên sau khi anh Ph tự ý đầu tư chăn nuôi và kinh doanh bị thua lỗ dẫn đến kinh tế gia đình sa sút thì đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Theo chị N khai mỗi lần vợ chồng cãi nhau, anh Ph đều đánh chị, có lần chị phải sang nhà hàng xóm ngủ nhờ. Sự việc như vậy kéo dài đến tháng 9 năm 2021, chị không thể chịu đựng thêm được nữa nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Phía anh Ph cũng xác định không thể

sống chung cùng chị N vì tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn anh Ph là có căn cứ.

- Về con chung: Chị N và anh Ph có 03 con chung là Lê Thùy L, sinh ngày 06/08/2009; Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 20/10/2011 và Lê Tiến D, sinh ngày 16/12/2015. Ly hôn, Chị Ng xin nuôi cháu L, để anh Ph nuôi cháu Ng và cháu D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ph đồng ý. Xét thấy: Việc anh Ph và chị N thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn là tự nguyện. Tuy nhiên, việc giao con chưa thành niên cho bố hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn thì phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Hiện tại, chị N đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, chưa có công việc và thu nhập ổn định. Các con của chị N anh Ph đang sinh sống, học tập ổn định cùng anh Ph tại nhà của anh P tại xã V, huyện Ph; hơn nữa cháu L muốn ở cùng bố. Vì vậy, giao cả 3 con cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm hiện tại là phù hợp hơn. Chị N không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Anh Ph không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ này đối với chị N.

- Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh Ph đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị N.

1.1. Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lê Văn Ph.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Thùy L, sinh ngày 06/08/2009; cháu Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Lê Tiến D, sinh ngày 16/12/2015 cho anh Lê Văn Ph trực tiếp nuôi đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Đỗ Thị N đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00040102 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã V, huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu

